

Tiết 3 - Bài 3

PHÂN BỐ DÂN CƯ VÀ CÁC LOẠI HÌNH QUẦN CƯ

I. Mật độ dân số và phân bố dân cư

II. Các loại hình quần cư

III. Đô thị hóa

I. MẬT ĐỘ DÂN SỐ VÀ PHÂN BỐ DÂN CƯ

**Bảng 1: Mật độ dân số Việt Nam và thế giới qua các năm
(người/km²)**

Năm	1989	2009	2019
Thế giới	40	46	51
Việt Nam	195	259	291

Nhiệm vụ: Dựa vào bảng 1 em hãy:

- ✓ So sánh mật độ dân số của nước ta so với thế giới
- ✓ Nhận xét về mật độ dân số của nước ta qua các năm



✓ Dựa vào bảng 2 nhận xét về sự phân bố dân cư **giữa các vùng của nước ta**

✓ Dựa vào bảng 4 **so sánh về tỉ lệ dân số** giữa thành thị với nông thôn.

=> Rút ra **nhận xét về sự phân bố dân cư nước ta**

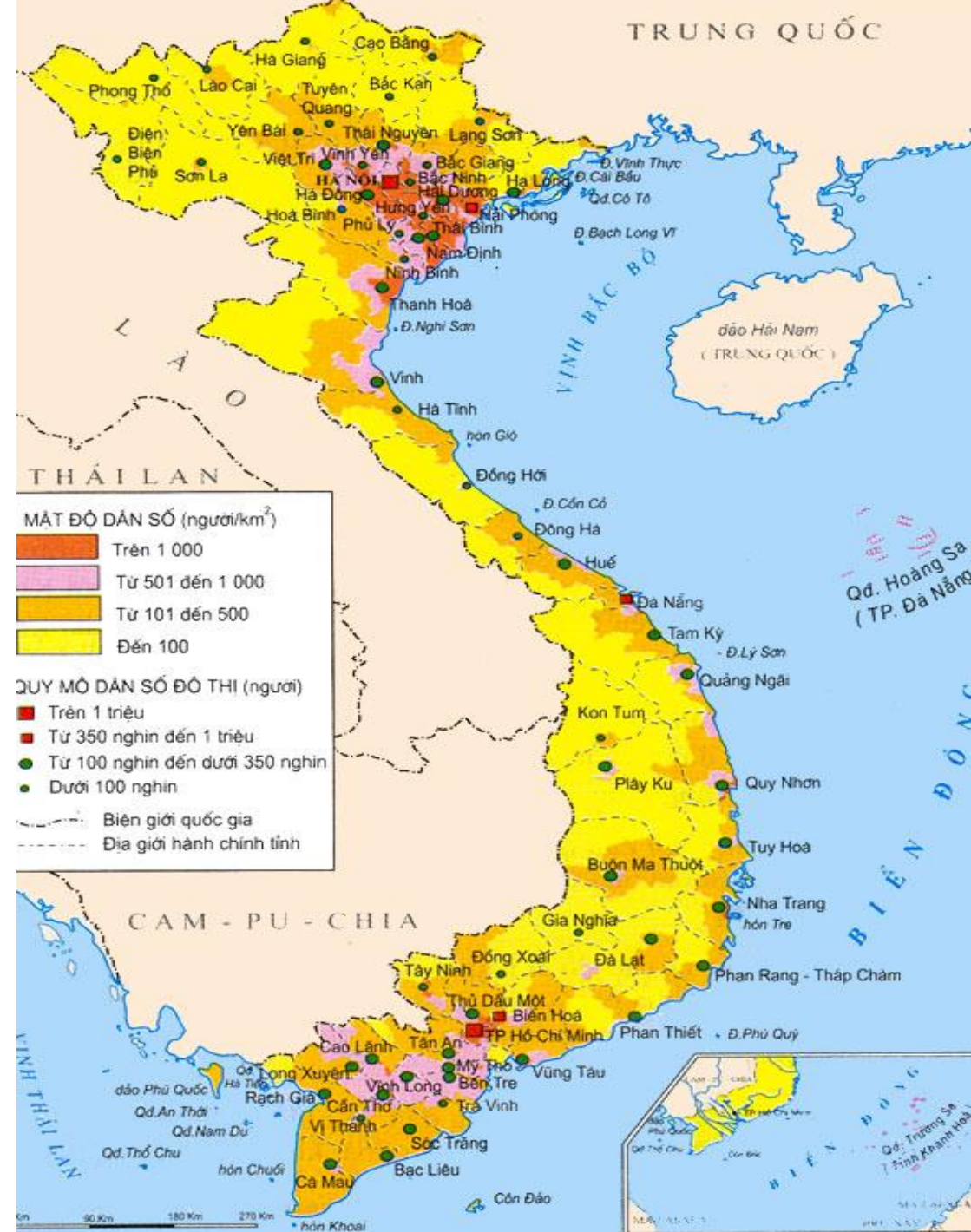
- Phân bố không đồng đều giữa các vùng
- Tập trung chủ yếu ở nông thôn

Bảng 2: Mật độ dân số các vùng lãnh thổ năm 2019

Vùng lãnh thổ	MĐ DS (người/km ²)
Cả nước	291
Trung du miền núi Bắc Bộ	137
Đồng bằng sông Hồng	1412
Bắc Trung Bộ	202
Duyên hải Nam Trung Bộ	368
Tây Nguyên	106
Đông Nam Bộ	761
Đồng bằng sông Cửu Long	423

Bảng 3: Tỉ lệ dân số nông thôn và thành thị của nước ta qua các năm

Năm	1999	2009	2019
Thành thị (%)	23.7	29.6	34.4
Nông thôn (%)	76.3	70.4	65.6



Kể tên các vùng đông dân nhất của nước ta và các thành phố đông dân nhất nước và có mật độ dân số cao.

Các vùng đông dân nhất cả nước: Đồng bằng sông Hồng, Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long.

Các thành phố đông dân nhất cả nước và có mật độ dân số cao: TP.Hồ Chí Minh, Hà Nội.

**Tại sao dân cư phân bố không đồng đều?
Hậu quả? Giải pháp?**



I. MẬT ĐỘ DÂN SỐ VÀ PHÂN BỐ DÂN CƯ

1. Mật độ dân số

- Mật độ dân số cao trên thế giới

2. Phân bố dân cư

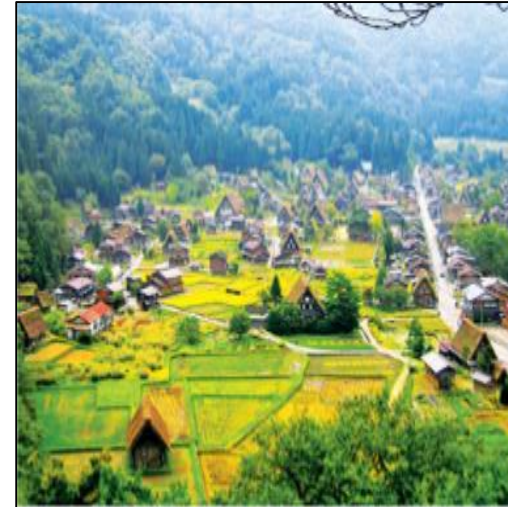
- Không đồng đều:
 - + Giữa các vùng lãnh thổ
 - + Đồng bằng và miền núi
 - + Thành thị và nông thôn

II. CÁC LOẠI HÌNH QUẦN CƯ

Bảng so sánh đặc điểm

của quần cư nông thôn và quần cư thành thị

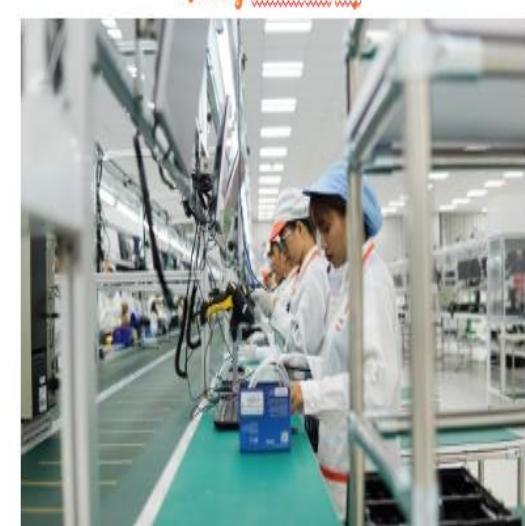
Quần cư nông thôn	Tiêu chí	Quần cư thành thị
	Tên gọi	
	Mức độ tập trung dân cư	
	Kiến trúc nhà ở	
	Hoạt động kinh tế chủ yếu	



Quang cảnh nông thôn



Quang cảnh đô thị



II. CÁC LOẠI HÌNH QUẦN CƯ

Quần cư nông thôn	Tiêu chí	Quần cư thành thị
Làng, bản, thôn, xóm....	Tên gọi	Phố, phường...
Thưa thớt	Mức độ tập trung dân cư	Đông đúc
Nhà cửa xen lẫn ruộng vườn	Kiến trúc nhà ở	Nhà ống, chung cư, khu đô thị...
Nông, lâm, ngư nghiệp	Hoạt động kinh tế chủ yếu	Công nghiệp, dịch vụ

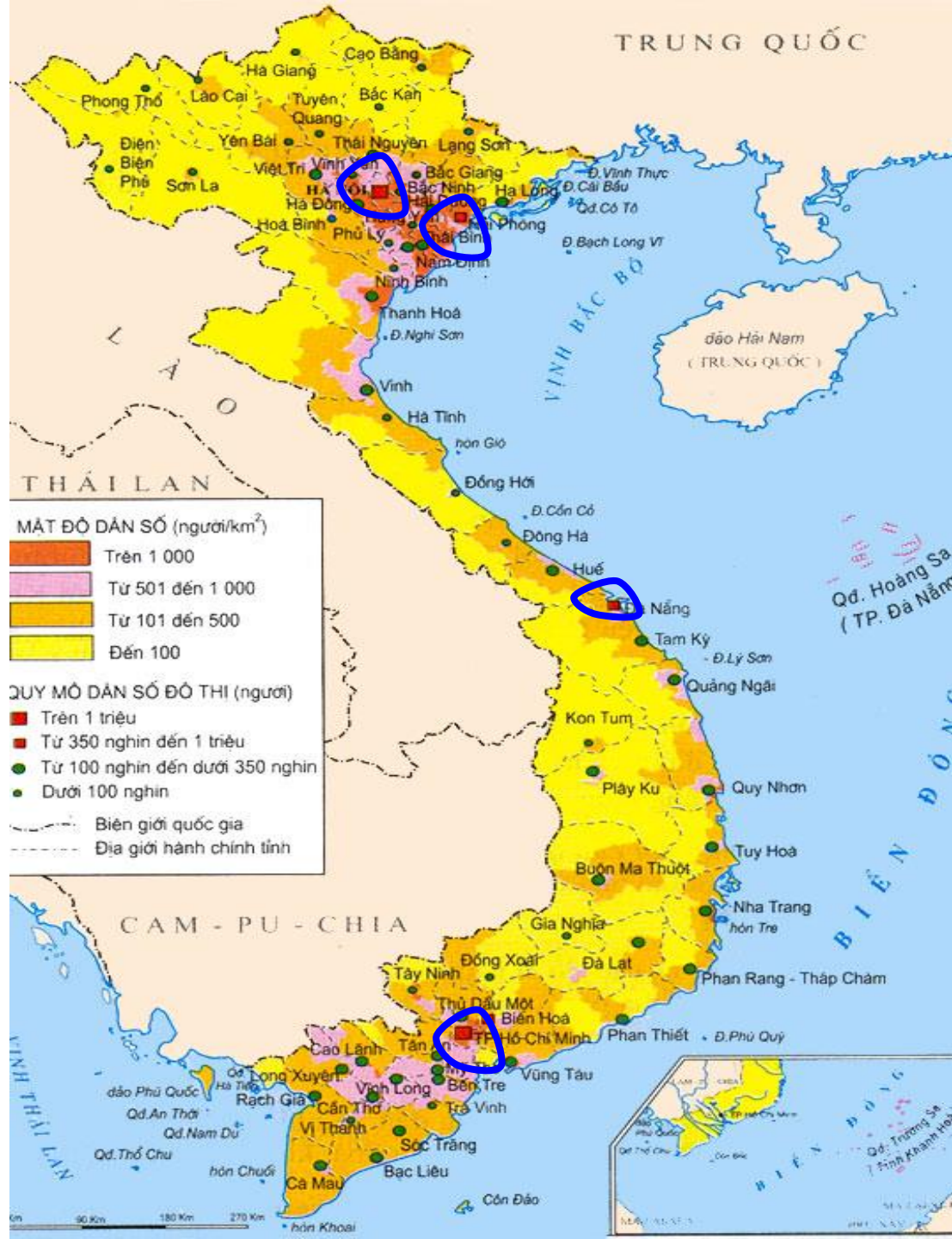


III. ĐÔ THỊ HÓA

Bảng 5: Số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị nước ta thời kì 1990 – 2019

Năm	1990	1999	2009	2019
Số dân thành thị (triệu người)	12, 9	18,1	25,5	33,1
Tỉ lệ dân thành thị(%)	19,5	23,7	29,6	34,4

- *Nhận xét về số dân và tỉ lệ dân thành thị của nước ta thời kì 1990 – 2019*
- *Sự thay đổi của tỉ lệ dân thành thị đã phản ánh **quá trình đô thị hóa** ở nước ta như thế nào?*



Quan sát hình 3.1 hãy nêu nhận xét về sự phân bố các đô thị của nước ta. Giải thích.

Các đô thị của nước ta phân bố không đều, chủ yếu tập trung ở đồng bằng và ven biển ; lợi thế về vị trí, ĐKTN, KT-XH

Những bức ảnh sau phản ánh về vấn đề gì??? Giải pháp?



Phân bố dân cư.
Các loại hình quần
cư

Các loại hình quần cư

Phố, phường
Thành thị

Mật độ cao

Công nghiệp, dịch vụ

Nông thôn

Làng, xóm...

Mật độ thấp

Nông, lâm, ngư nghiệp

Mật độ dân số

Cao

Phân bố dân cư

Không đồng đều

Vùng lãnh thổ

Đồng bằng, miền núi

Nông thôn, thành thị

BÀI TẬP VỀ NHÀ

Dựa vào nội dung bài học, vẽ sơ đồ tư duy bài học vào tập





THANK YOU

click to add your text here click to add your text here click to add your text here click to add your text here click to add your text here.

ADD TITLE

ADD TITLE

ADD TITLE